

ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC LÀ TIỀN ĐỀ QUAN TRỌNG ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU “GẮN ĐÀO TẠO VỚI NHU CẦU XÃ HỘI”

INNOVATION OF UNIVERSITY EDUCATION – IMPORTANT PREREQUISITE FOR ACHIEVING THE TARGET OF ‘ATTACHING TRAINING TO SOCIAL NEEDS’

ĐÀO HỮU HÒA

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Trên thế giới hiện nay đang diễn ra những thay đổi sâu sắc trong cách tiếp cận giáo dục đại học. Triết lý giáo dục truyền thống đang đứng trước áp lực phải đổi thay. Trong bối cảnh đó, nền giáo dục nước ta mặc dù đã có những cải cách nhưng vẫn còn rất nhiều bất cập và lạc hậu. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, chất lượng đào tạo đại học ở Việt nam còn rất thấp, chưa gắn với nhu cầu của xã hội, sinh viên ra trường chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Bài báo này đi sâu nghiên cứu xu hướng đổi mới giáo dục đại học trong thời đại ngày nay và đề xuất những giải pháp cơ bản để đổi mới dạy và học đại học theo hướng “gắn đào tạo với nhu cầu xã hội”.

ABSTRACT

Nowadays, there have been increasingly profound changes in the way of accessing university education all over the world. Traditional education philosophy has been faced with forces of change. In such a circumstance, in spite of several innovations, our country's education has experienced many problems as well as backwardness. There are many researches revealing the fact that our country's university education quality is still at a low degree and that it does not attach training to social needs so that college graduates are unable to meet the needs of their work. This paper deals extensively with many present-day innovation tendencies and then suggests some basic solutions to the innovation of teaching and learning in universities in terms of ‘attaching college training to social needs’.

1. Những thay đổi trong cách tiếp cận giáo dục đại học (GDDH)

Những thay đổi sâu sắc đang diễn ra trên thế giới hiện nay đã làm cho triết lý về giáo dục đại học của thế kỷ 21 có những biến đổi sâu sắc, đó là lấy “học thường xuyên suốt đời” làm nền móng, dựa trên các mục tiêu tổng quát của việc học, là “*học để biết, học để làm, học để cùng sống với nhau và học để làm người*”, nhằm hướng tới xây dựng một “xã hội học tập”.

Sản phẩm đào tạo đại học ngày nay sẽ phải hoạt động trong một môi trường cạnh tranh có tính quốc tế hoá cao. Trong bối cảnh đó, phạm trù “chất lượng đào tạo đại học” phải có sự thay đổi quan trọng theo hướng: vừa phải biết sống hòa hợp với cộng

đồng dân tộc và quốc tế, vừa phải có năng lực và bản lĩnh để cạnh tranh tự khẳng định và tự phát triển. Đó là những đòi hỏi quan trọng của giáo dục đại học trong thời kỳ mới, nó cũng là thách thức lớn đối với nền giáo dục của các quốc gia đang phát triển trong đó có Việt Nam.

Hội nghị GDDH trong thế kỷ 21 tại Paris tháng 10/1998 đã đề ra những yêu cầu mới về năng lực của sinh viên tốt nghiệp. Sau 5 năm triển khai các hoạt động GDDH trên thế giới theo những khuyến cáo của Hội nghị Paris, trong Báo cáo tổng hợp của UNESCO năm 2003 có phân tích những thay đổi mạnh mẽ về bản chất và nhu cầu của thế giới việc làm, và trình bày khái quát các yêu cầu mà trường đại học cần tạo ra cho sinh viên sao cho họ có thể đương đầu với những đòi hỏi của xã hội tri thức. Đó là:

- Các tiềm năng để học tập, nghiên cứu (academic capacities), các tiềm năng này dựa trên việc đào tạo chuyên môn, nhưng còn bao gồm tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, có năng lực đổi mới tư duy (un-learn) và học lại (re-learn) trong suốt cuộc đời;
- Các kỹ năng phát triển cá nhân gắn kết với xã hội (tự tin, quyết tâm cao, tôn trọng các giá trị đạo đức, hiểu biết rộng về xã hội và thế giới);
- Các kỹ năng sáng nghiệp (entrepreneurial skill) bao gồm các tiềm năng đáp ứng cả việc lãnh đạo và làm việc nhóm, làm chủ công nghệ thông tin và các công nghệ khác..v.v .

Chính những thay đổi về chất trong mục tiêu đào tạo và phạm trù chất lượng đào tạo đã dẫn đến những yêu cầu về đổi mới trong cách tiếp cận dạy và học đại học. Trước hết là đổi mới trong nội dung giáo dục đại học. Câu hỏi cần trả lời là: giáo dục đại học cần phải hướng tới những nội dung gì? Trong điều kiện kho kiến thức của nhân loại đã trở nên khổng lồ và không ngừng tăng lên với tốc độ ngày càng nhanh, nếu việc dạy hướng đến trang bị nhiều kiến thức cho người học thì thời gian đào tạo, cho dù là cả đời người cũng không đủ. Nói theo cách của nhà triết học Whitehead *“nếu chưa đầy một thế kỷ trước, chức năng của giáo dục là truyền đạt tri thức và kinh nghiệm của thế hệ trước cho thế hệ sau, có thể chúng ta là thế hệ đầu tiên trong lịch sử mà những hiểu biết của cha ông ít có giá trị thực tiễn đối với cuộc sống của chúng ta như những tri thức được sản sinh ra ngay trong quãng đời mà ta sống”*.

Vì vậy, nội dung đào tạo đại học không đặt mục tiêu cung cấp đủ kiến thức cho người học để có thể sống và làm việc suốt đời mà là trang bị cho người học một vốn tri thức cơ bản cộng với một năng lực tự mình chủ động tìm kiếm những tri thức mới trong tương lai.

Với nội dung đào tạo đổi mới theo hướng như trên đã dẫn đến phương pháp giảng dạy đại học cũng cần phải có sự thay đổi cho phù hợp. Vai trò truyền thụ kiến thức một cách thụ động của người thầy sẽ giảm đi. Người thầy cần phải làm tốt vai trò người hướng dẫn các quá trình tìm kiếm tri thức, gợi mở những con đường phát hiện tri thức, qua đó trau dồi khả năng độc lập tư duy và sáng tạo cho người học. Năng lực tri thức của người học phải được bồi dưỡng thông qua cách dạy học có tính gợi mở của

người dạy, qua các môn học có tác động đến việc rèn luyện phương pháp tư duy và nhận thức...

Việc đẩy mạnh ứng dụng máy tính điện tử, phương tiện truyền thông, mạng máy tính, Internet... trong giáo dục đã góp phần tạo ra nhiều hình thức dạy và học hết sức đa dạng và phong phú, hỗ trợ hiệu quả cho các phương thức đào tạo. Nhưng công nghệ thông tin là một loại công nghệ tạo khả năng (enabling technology), nghĩa là *“nó giúp con người có thêm khả năng trong các hoạt động trí tuệ chứ không phải nó thay thế hoàn toàn con người trong các hoạt động đó”* [1].

Để ứng dụng có hiệu quả và chất lượng công nghệ thông tin trong dạy học, hỗ trợ cho tự học, học từ xa... nhất thiết không thể thiếu vai trò của người thầy trong việc tham gia phát triển các phần mềm dạy học, soạn các bài giảng, các phương pháp hỏi đáp, các mẫu đối thoại linh hoạt phục vụ cho người học tự học, tham gia các hoạt động tư vấn giáo dục... Phải làm sao khi dùng một phần mềm dạy học, không phải là dùng máy tính thay thế cho một người thầy giáo, mà máy tính chỉ là công cụ giúp thể hiện trí tuệ và kinh nghiệm tổng hợp của người thầy trong việc dạy.

2. Những hạn chế trong đào tạo đại học ở Việt Nam

Giáo dục đại học ở nước ta trong thời gian qua đã có những đổi mới theo hướng hội nhập với xu hướng phát triển của thế giới và bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc đổi mới trong giáo dục đại học ở nước ta vẫn còn chậm, chưa tạo được bước đột phá mạnh mẽ trong khâu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy nên nhìn chung chất lượng đào tạo vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội trong điều kiện của nền kinh tế tri thức.

Trên cơ sở các yêu cầu khái quát đối với sản phẩm đào tạo đại học mà UNESCO đã tổng kết, có thể rút ra một số hạn chế cơ bản trong dạy và học đại học ở nước ta như sau:

- Trước hết, nhìn chung các trường đại học trong nước vẫn còn đặt nặng trọng tâm vào việc trang bị nhóm tiềm năng thứ nhất (học để biết) cho sinh viên mà không chú ý đúng mức đến hai nhóm tiềm năng sau. Ngay trong nhóm tiềm năng thứ nhất, cách dạy và học hiện tại ở nước ta thường cũng chỉ mới phát triển được các năng lực nhận biết (knowledge) và thông hiểu (comprehention), chưa tập trung đúng mức đến việc phát triển óc phê phán, khả năng giải quyết vấn đề. Sự phát triển thông tin và tri thức cực kỳ nhanh chóng, vòng đời của các loại công nghệ rất ngắn ngủi của thời đại kinh tế tri thức còn đòi hỏi phải nhấn mạnh khả năng đổi mới tư duy, xóa những nếp nghĩ sai trái đã học được trước đây, thay thế bằng những tư duy mới (un-learn) và luôn luôn bổ sung, cập nhật kiến thức mới (re-learn). Tất cả tiềm năng để học tập đã nêu mà sinh viên cần rèn luyện được trong thời gian học đại học hầu như vẫn chưa được các cơ sở đào tạo trong nước đáp ứng.
- Nhóm tiềm năng thứ hai liên quan nhiều đến tính nhân văn của sản phẩm đào

tạo. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm tạo ra sản phẩm phải là những công dân – trí thức, có phẩm chất và trách nhiệm công dân, có hiểu biết và tầm nhìn rộng đối với xã hội và thế giới. Yêu cầu đặt ra là vậy nhưng thực tế đạt được còn rất thấp vì chương trình đào tạo liên quan đến lĩnh vực này yếu và lạc hậu. Các môn học nhằm giáo dục đạo đức, tư cách làm người và trách nhiệm công dân cho sinh viên ít được quan tâm trong các chương trình đào tạo của Việt Nam.

- Nhóm tiềm năng thứ 3 thể hiện rõ yêu cầu đối với một người hoạt động trong một nền kinh tế thị trường, cần các kỹ năng để khẳng định mình, để tồn tại, đồng thời để cạnh tranh nhằm phát triển. Có thể nhận thấy rằng, hiện tại đây là khâu yếu nhất trong các yêu cầu về chất lượng sản phẩm đào tạo đại học ở nước ta. Một trong những vấn đề thường gặp ở Việt Nam là sinh viên ra trường chưa đủ khả năng và bản lĩnh để đảm nhận những công việc, chức vụ mà đáng lẽ họ phải có khả năng thực hiện độc lập. Họ phải qua một thời gian bỡ ngỡ, làm quen rất dài so với thời gian cần thiết để một sinh viên phương Tây hoàn thành điều đó. Khi bàn đến vấn đề này, một học giả đã nói *“cho đến nay, sinh viên Việt Nam chúng ta vẫn chưa có cái kỹ năng của sinh viên phương Tây. Tôi nghiệm ra rằng chính cách dạy và học đại học ở nước ta là đầu mối, là nguyên nhân của sự thụ động ở sinh viên nước ta”* [2].

Nguồn gốc sự khác biệt này, chủ yếu là do sự khác nhau về triết lý và định hướng giáo dục giữa Việt Nam và các nước phương Tây. Trong khi giáo dục đại học Việt Nam chú ý đến việc trang bị kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng để thực hiện một số công việc cụ thể, thì nền giáo dục phương Tây lại rất chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng để giải quyết những vấn đề thực tế.

3. Đổi mới giáo dục học đại học theo hướng “gắn đào tạo với nhu cầu xã hội”

3.1. Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học đại học

Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học ở bậc đại học phải phù hợp với những thay đổi về tính chất và nội dung lao động, đáp ứng nguyện vọng và điều kiện của người học. Quá trình đổi mới phải đảm bảo theo hướng:

- Tăng dần hàm lượng “chất xám” của lao động;
- Mở rộng diện nghề nghiệp của người lao động;
- Phát triển kỹ năng hành nghề và tạo điều kiện thuận lợi cho sự đổi nghề;
- Tăng cường chất lượng lao động về mặt phẩm chất, đạo đức, tác phong;
- Tăng cường chất lượng người lao động về mặt ý thức chính trị, xây dựng lý tưởng, hoài bão vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh;
- Tăng cường khả năng linh hoạt, sáng tạo, thích ứng;
- Nâng cao trình độ hiểu biết ngoại ngữ, tin học, hiểu biết xã hội.

Xu hướng phổ biến hiện nay là hướng vào cung cấp kiến thức cơ bản và hướng

dẫn cách học cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện năng lực truyền thông, khả năng – phương pháp lập luận và phân tích, tức rèn luyện khả năng tư duy và sáng tạo. Tuy nhiên, nhiệm vụ cung cấp kiến thức vẫn được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Để đạt được các mục tiêu trên, có rất nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau được áp dụng với hiệu quả truyền đạt không giống nhau. Tại một hội thảo về giáo dục của Liên hiệp quốc tổ chức ở Anh, các nhà giáo dục đã đưa ra “tháp nhận thức” với các mức độ tiếp thu và nhớ được trong học tập đối với người học theo các phương pháp truyền đạt khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy: nếu người học chỉ nghe giảng, khả năng nhớ được là 5%. Đọc bài nhớ được 10%. Nghe và nhìn cùng lúc: nhớ được 20%. Được xem làm thí nghiệm trước tại chỗ nhớ được 30%. Thảo luận nhóm nhớ được 50%. Thực hành bằng cách làm bài, ghi lại, viết lại nhớ được tới 75%. Và nhớ được, nắm vững nhất là giảng giải lại cho người khác, ứng dụng những gì được học ngay sau khi học là 90% [3].

Đổi mới phương pháp giảng dạy đại học là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan hiện nay nhằm thực hiện được các mục tiêu đặt ra cho giáo dục đại học. Thế giới đang bước vào nền kinh tế tri thức trong đó thông tin có giá trị không dài, khối lượng thông tin tăng nhanh, nội dung thông tin ngày càng chuyên môn hóa và phức tạp vì vậy đòi hỏi người thầy ở bậc đại học phải dạy cho sinh viên biết cách tự học, tự nghiên cứu là chủ yếu. Luật giáo dục cũng đã nêu rõ: *“Phương pháp giáo dục đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng”*.

Với quan điểm trên, nhằm tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo, mà điều này có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra một cơ cấu lực lượng lao động có hàm lượng chất xám cao từng bước tiếp cận với kinh tế tri thức, cần phải đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy đại học.

Trong điều kiện hiện nay, với quan điểm “lấy người học làm trung tâm”, coi sinh viên là chủ thể của quá trình dạy và học. Giảng viên chỉ dạy những kiến thức cơ bản, đóng vai trò hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra quá trình học, không làm thay người học. Sinh viên phải được khuyến khích cao độ quá trình học chủ động tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức, tham khảo mở rộng kiến thức theo các tài liệu sách vở, dưới sự điều khiển sự phạm của giáo viên. Đòi hỏi sinh viên phải tự tìm hiểu nghiên cứu khi thực hiện các nhiệm vụ mà giảng viên giao. Giảng viên nêu vấn đề để sinh viên tập giải quyết vấn đề.

Các công trình nghiên cứu gần đây về phương pháp “sự phạm tương tác” đã chỉ ra 3 tác nhân cơ bản mà phương pháp này quan tâm là: người học, người dạy và môi trường (theo tiếng Pháp là 3E: étudiant, enseignant, environnement). Trong đó nhấn mạnh: “người học là người đi học chứ không phải người được dạy”, nhiệm vụ của người dạy là “giúp đỡ người học, phục vụ người học để làm nảy sinh tri thức ở người học”, còn môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh và bên trong người học là tác nhân

quan trọng ảnh hưởng đến việc dạy và học. Nếu so sánh vai trò của hai tác nhân người học và người dạy, tác nhân người học vẫn chiếm vai trò chủ đạo. Ngoài ra, với cách tiếp cận thông tin đã nêu trên, môi trường ở đây chính là nơi chứa thông tin. Như vậy, cách tiếp cận của phương pháp “sự phạm tương tác” không mâu thuẫn với các quan niệm “lấy người học làm trung tâm” đang được phổ biến ở nước ta hiện nay. Nó chỉ khác là nhấn mạnh hơn vai trò của tương tác, tức là cho thấy rõ tính chất “động” của quá trình dạy và học. Trong quá trình giảng dạy, bản thân việc tăng sự tương tác cũng thúc đẩy tính chủ động của người học.

Tuy nhiên, văn hoá Việt Nam nói riêng và văn hoá Đông Á nói chung đều đề cao quan hệ xã hội theo hướng “dĩ hoà vi quý”, “tôn sư trọng đạo”, xem thầy như cha nên chuyện tranh luận trong quá trình giảng dạy giữa sinh viên với thầy giáo rất khó được chấp nhận. Vì vậy, khi cải cách phương pháp giảng dạy đại học cũng cần phải cân nhắc đến khía cạnh này, phải có quá trình rèn luyện từ từ để cả người dạy lẫn người học thích nghi dần. Đặc biệt, không thể chỉ tiến hành đổi mới “từ ngọn”, tức là từ môi trường đại học mà cần phải có sự chuẩn bị và rèn luyện “từ gốc”, tức là từ các bậc học thấp hơn ở chương trình phổ thông.

Để đổi mới phương pháp dạy và học, các trường đại học kinh tế cần tiến hành theo hướng kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống với tăng cường thảo luận, làm bài tập nhóm, thuyết trình trong lớp, tăng cường nghiên cứu các tình huống thực tiễn nhằm tạo ra sự động não của sinh viên... Việc phối hợp này giúp tạo ra sự tương tác, đối thoại giữa người thầy và sinh viên, giữa sinh viên với nhau. Điều này dẫn tới chất lượng cao của đào tạo, sinh viên chủ động tiếp thu bài học, hình thành nên những sinh viên có đầu óc sáng tạo, có khả năng tự nghiên cứu, tự giải quyết vấn đề do thực tiễn đặt ra. Tạo điều kiện để giảng viên chú ý phát triển sinh viên một cách toàn diện.

3.2. Rà xét lại chương trình đào tạo theo hướng tinh gọn để rút ngắn thời gian đào tạo

Trong xu hướng phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện nay như đã phân tích ở phần trên đã dẫn đến hiện tượng “bùng nổ” thông tin. Theo ước tính của các nhà khoa học, chỉ cần 3-4 năm, khối lượng kiến thức của nhân loại sẽ tăng gấp đôi. Điều này cũng đồng nghĩa với “chu kỳ bán rã thông tin” đã rút ngắn chỉ còn khoảng 3-4 năm, đặc biệt đối với khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, tốc độ này còn lớn hơn nữa.

Để sinh viên không bị tụt hậu về kiến thức sau khi ra trường, xu hướng chung trong đào tạo hiện nay là đẩy mạnh đào tạo theo diện rộng, tránh “*đào tạo chuyên môn quá hẹp theo kiểu tiếp thu những công thức kỹ thuật đồng thời lại nhẹ về kiến thức cơ bản, vì khoa học kỹ thuật tiến nhanh, nếu sinh viên bị đào tạo quá hẹp, khi vào đời sẽ không thể cập nhật nổi*”[4]. Để làm được điều này, chương trình đào tạo đại học khối ngành kinh tế cần điều chỉnh theo hướng tăng cường kiến thức cơ bản, giảm các nội dung quá chi tiết hoặc mang tính kỹ thuật vì những kiến thức này sẽ bị lạc hậu rất nhanh. Bởi vì “*Chúng ta liên tục học những gì liên quan đến chuyên môn của chúng ta. Chúng ta ít khi nào nhớ những gì không liên quan, và ít khi nào quan tâm đến những gì không cần*

thiết. Vì thế, thói quen học tập mới là quan trọng trong giáo dục đại học” [1].

Song song với việc điều chỉnh nội dung giảng dạy, các cơ sở đào tạo đại học cũng cần nghiên cứu để rút ngắn thời gian đào tạo xuống càng ngắn càng tốt, xu hướng chung là còn khoảng 2,5 -3,5 năm. Điều này nhằm đảm bảo cho các kiến thức trang bị cho sinh viên trong trường đại học vẫn còn có giá trị sử dụng trong thực tế khi ra trường, nếu thời gian đào tạo kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng các kiến thức bị lỗi thời, làm giảm hiệu quả đào tạo. Mặt khác, do đào tạo theo diện rộng, nên kiến thức hướng vào kiến thức cơ bản do đó khi ra trường sinh viên cần được doanh nghiệp tham gia vào bổ sung kiến thức thực tế tại doanh nghiệp, điều này là thực tế hơn việc cho sinh viên đi thực tập khi còn ở trong môi trường đại học. Nên rút ngắn thời gian đào tạo để chuyển phần trang bị kinh nghiệm làm việc thực tế về cho doanh nghiệp thực hiện trong giai đoạn đầu khi sinh viên ra trường (đào tạo bổ sung) sẽ tốt hơn.

3.3. Tăng cường năng lực giải quyết thực tiễn cho sinh viên

Để giải quyết yêu cầu này, điều quan trọng là các doanh nghiệp phải tham gia vào quá trình đào tạo bổ sung cho sinh viên khi vào làm việc trong doanh nghiệp những kỹ năng cụ thể liên quan đến công việc được giao vì nhà trường không có điều kiện để làm điều đó. Hiện nay, trong chương trình đào tạo của các trường đại học kinh tế đang giải quyết yêu cầu này thông qua các đợt thực tập, tuy nhiên hiệu quả của công tác này là rất đáng phải xem xét lại. Thực tế trong những năm qua, việc các doanh nghiệp tham gia vào quá trình trang bị kiến thức thực tế cho sinh viên trong quá trình đến doanh nghiệp thực tập là rất hạn chế, các công trình nghiên cứu tốt nghiệp của sinh viên chủ yếu vẫn là lý thuyết và sao chép. Vì vậy, cần phải cải tiến triệt để công tác này theo hướng gắn với từng môn học nhằm trang bị cho sinh viên khả năng độc lập giải quyết vấn đề, khả năng tự nghiên cứu hơn là trang bị kinh nghiệm giải quyết các vấn đề thực tiễn như mục tiêu thực tập hiện nay đang đặt ra. Nên cắt giảm thời lượng các đợt thực tập kém hiệu quả này để rút ngắn thời gian đào tạo tại nhà trường và chuyển nội dung đào tạo này về cho doanh nghiệp.

Một vấn đề khác cần được quan tâm nhằm tăng cường năng lực khả năng cung cấp năng lực làm việc thực tiễn cho sinh viên là mở rộng mạng lưới giáo viên thỉnh giảng và cộng tác viên khoa học từ cộng đồng các doanh nghiệp ngoài trường. Các trường đại học kinh tế nên thường xuyên quan hệ và mời các nhà doanh nghiệp, các giám đốc thành đạt, các nhà quản lý, các nhà khoa học, các học giả, nhà báo... từ các cơ quan, doanh nghiệp ngoài trường tham gia vào đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm. Những người này sẽ tham gia giảng dạy các chuyên đề hoặc những phần nội dung liên quan nhiều hơn đến vận dụng thực tiễn trong các môn học, không nhất thiết phải dạy toàn bộ cả môn học. Việc mời các đối tượng này tham gia giảng dạy sẽ tạo điều kiện để tăng tính thực tiễn cho sinh viên thông qua việc cung cấp những kinh nghiệm nghiên cứu, kinh nghiệm quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các tổ chức nhằm gắn lý thuyết với thực tế. Mặt khác, việc sử dụng đội ngũ giảng viên này sẽ giúp gia tăng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng doanh nghiệp với nhà trường, qua đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc

gắn đào tạo với sử dụng hiệu quả nguồn sinh viên được đào tạo.

3.4. Cải tiến phương pháp tuyển sinh đầu vào

Cũng cần phải quan tâm đến việc cải tiến công tác tuyển sinh đầu vào cho phù hợp với đặc điểm đào tạo và sử dụng lao động các khối ngành kinh tế. Theo một công trình nghiên cứu của giáo sư Dương Thiệu Tống [5], cho thấy mức độ tương quan giữa điểm thi đại học môn toán với điểm tốt nghiệp đại học cực kỳ thấp. Kết quả nghiên cứu trên 1.280 học sinh cho thấy hệ số tương quan giữa điểm toán lớp 12 và điểm bình quân tốt nghiệp đại học là 0,09; và giữa điểm toán thi tuyển sinh đại học và điểm bình quân tốt nghiệp đại học là 0,19.

Sở dĩ có tình trạng này là vì sinh viên học các ngành kinh tế, ngoài tư duy logic toán học còn đòi hỏi khả năng diễn đạt trình bày, khả năng giao tiếp thì mới có thể phát huy được hiệu quả cao trong học tập và công tác. Tuy nhiên do đa số các trường đại học kinh tế hiện nay đều chỉ tuyển sinh đầu vào khối A (gồm các môn thi Toán, Lý, Hoá), tức là chọn lọc những em học sinh có khả năng về khoa học tự nhiên vào học các ngành kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nên không phát huy được khả năng vốn có của họ.

Kết quả nghiên cứu này gợi ý rằng: đối với các trường đại học khối ngành kinh tế, trong các môn thi tuyển sinh đầu vào ngoài môn toán nên bổ sung thêm 01 môn xã hội (tốt nhất là môn văn).

3.5. Xã hội hoá giáo dục đại học

Xã hội hóa giáo dục đại học cần phải chỉ rõ vai trò của xã hội trong sự nghiệp phát triển nền giáo dục đại học của nước nhà. Nói cách khác, cộng đồng xã hội phải cùng có trách nhiệm tham gia vào việc hình thành chương trình đào tạo đại học thông qua chương trình xã hội hóa giáo dục. Đã đến lúc chúng ta phải nhận ra rằng, không thể khoán gọn giáo dục đại học cho các nhà giáo và hệ thống các trường đại học, và xã hội hóa giáo dục cũng sẽ không thể thành công nếu cộng đồng xã hội không nhìn thấy được vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp vĩ đại này. Ở đây, chúng ta muốn đề cập đến một trong những nền tảng của xã hội hóa giáo dục đại học đó là xã hội hóa nội dung chương trình đào tạo. Xã hội hóa giáo dục đại học không đơn thuần là đa dạng hóa hình thức và các nguồn đầu tư cho giáo dục đào tạo bằng việc phát triển ở các cơ sở đào tạo đại học tư thục, mà quan trọng nhất là đa dạng hóa sự tham gia của xã hội trong việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo sao cho thích ứng với những đòi hỏi của xã hội. Yêu cầu này cũng đòi hỏi các chuyên gia, các nhà khoa học và tầng lớp trí thức phải nghiên cứu những vấn đề của xã hội, phải coi xã hội như một kho tư liệu sống luôn luôn phát triển và biến các vấn đề của xã hội thành nội dung giảng dạy.

Hệ thống giáo dục đào tạo có chức năng cung ứng lao động cho xã hội, vì thế, nó cần phải hiểu rõ xã hội cần loại lao động nào và xây dựng những quy trình đào tạo phù hợp. Trong bối cảnh của Việt Nam, hệ thống giáo dục đào tạo cần phải chuẩn bị lực lượng lao động có năng lực hội nhập, năng lực hợp tác, năng lực chung sống hòa bình với những nền văn hóa khác nhau. Nói cách khác, hệ thống giáo dục đào tạo cần phải

hoàn thành hai sứ mệnh, đó là dạy người và dạy nghề, dạy nghề để người lao động có đủ kỹ năng làm việc và được thị trường chấp nhận còn dạy người để người lao động có thể làm chủ chính mình trên các thị trường lao động khác nhau. Nếu làm được như vậy, các sinh viên của chúng ta sẽ được giải phóng về mặt nhận thức và đó chính là tiền đề để phát triển tư duy sáng tạo. Không nên kéo dài tình trạng các nhà giáo luôn là đối tượng bị động, tức là nhận chương trình giảng dạy do Bộ Giáo dục & Đào tạo biên soạn và máy móc dạy theo.

Mỗi cơ sở đào tạo đại học phục vụ cho một nhu cầu tìm hiểu tri thức khác nhau. Sự đa dạng của chương trình đào tạo chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất để gắn đào tạo với nhu cầu xã hội. Nó là một trong những tiêu chí xác định giá trị vượt trội của mỗi trường. Trường nào nắm bắt đòi hỏi của xã hội tốt, trường đó sẽ xây dựng một chương trình giảng dạy hợp lý, cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu dụng, phù hợp với yêu cầu của xã hội.

3.6. Giảm thiểu nhu cầu học đại học “ảo”

Hiện nay đang có một bộ phận nhu cầu học đại học là “ảo”, nó không xuất phát từ nhu cầu thực tế sử dụng của xã hội cũng như yêu cầu trang bị kiến thức của người học. Tình trạng này xảy ra là do phí tổn mà người học phải chi trả cho việc học tập quá thấp dẫn đến việc họ sẵn sàng chấp nhận một mức lương thấp hơn giá trị bằng cấp mà họ có. Ví dụ, một sinh viên đại học suốt 4 năm tốn chỉ phí 10 triệu đồng sẽ sẵn sàng chấp nhận mức lương 1,5 triệu đồng/tháng. Nhưng nếu người đó phải chi trả 100 triệu đồng cho việc học tập thì chắc chắn họ sẽ phải đòi một mức lương cao hơn nhiều để có thể bù đắp cho phí tổn bỏ ra. Nếu họ nhận thấy mức lương mà họ kỳ vọng, người sử dụng lao động sẽ không thể đáp ứng, lúc đó họ sẽ không học đại học. Vì vậy, tăng mức học phí lên cao đi cùng với việc cung cấp dịch vụ đào tạo tốt hơn sẽ là cách tốt để nâng cao chất lượng đào tạo, là tiền đề để thực hiện mục tiêu “gắn đào tạo với nhu cầu xã hội”, vì khi đó chỉ những người có năng lực thực sự mới dám đầu tư cho học đại học nhằm tìm kiếm cơ hội có thu nhập cao.

Ngoài ra, chính việc trả lương theo bằng cấp như hiện nay cũng là một nguyên nhân quan trọng làm gia tăng nhu cầu học đại học “ảo”. Do đó, cải cách triệt để chính sách tiền lương theo hướng thị trường hoá cũng là biện pháp cần thiết để giải quyết vấn nạn trên. Nhà nước chỉ nên kiểm soát việc trả lương trong nền kinh tế thông qua việc công bố mức tiền lương tối thiểu và những nguyên tắc cơ bản của việc trả lương, còn trả lương cho mỗi người cụ thể ra sao sẽ do doanh nghiệp quyết định. Riêng đối với các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, nơi hiện đang có một tỷ lệ lớn lao động trình độ đại học tham gia lao động, đồng thời cũng là nơi mà áp lực bằng cấp đối với việc trả lương đang là nguyên nhân làm tăng nhu cầu học đại học “ảo” hiện nay. Vì vậy cần nhanh chóng tiến hành cải cách hệ thống tiền lương theo hướng trả lương theo công việc chứ không phải là trả lương theo con người như hiện nay. Việc một người lao động đạt được mức lương cao hay thấp chủ yếu tùy thuộc vào công việc mà họ làm chứ không phải là bằng cấp mà họ có.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Tuấn, *Dạy và học đại học*, Tuổi trẻ 25/10/2004.
- [2] Nguyễn Văn Tuấn, *Cải tổ giáo dục từ gốc*, Tuổi trẻ 22/9/2004.
- [3] Tài liệu do Trung tâm thực nghiệm về đào tạo quốc gia, Đại học Maine - Mỹ công bố
- [4] Bùi Trọng Liễu, “Giáo dục đại học: Mấy chục năm điều trần”, *Hội thảo khoa học Giáo dục Việt Nam, hiện trạng, thách thức và giải pháp*, Hà Nội 23/9/1999.
- [5] Dương Thiệu Tống, *Vài suy nghĩ về giáo dục*, Nhà xuất bản Trẻ, 2003.